

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-9-2019  
V/v Chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Phương Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Bé Hai.
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Bích Phượng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình về chia tài sản sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Trần Minh C, sinh năm 1964 (có mặt).

HKTT: số A, tổ B, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Võ Thị Băng G – Văn phòng Luật sư Băng G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

*2. Bị đơn:* Phan Thị Kim P, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: HKTT: số A, tổ B, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2020, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Trần Minh C là nguyên đơn trình bày:***

Ông Trần Minh C và bà Phan Thị Kim P đã ly hôn theo Bản án số 05/2020/HNGĐ-ST, ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Khi ly hôn thì ông C và bà P đề nghị được tự thỏa thuận về tài sản chung. Tuy nhiên đến nay hai bên vẫn không thỏa thuận được nên ông C yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn như sau:

- Sảnh gắn liền với căn nhà của bà P được định giá 43.460.000 đồng;
- Nhà sau nối liền với căn nhà của bà P được định giá 25.310.000 đồng;
- Mái che được định giá 28.053.000 đồng;
- Hàng rào được định giá 31.304.000 đồng;
- Nhà tắm, nhà vệ sinh được định giá 24.909.000 đồng;
- Sân nhà được định giá 23.050.000 đồng;
- 01 máy lạnh hiệu Panasonic được định giá 4.400.000 đồng;
- 01 nệm Kim Cương được định giá 1.000.000 đồng;
- 01 tivi hiệu Panasonic 32inch được định giá 3.900.000 đồng;
- 01 tủ áo bằng gỗ, được định giá 7.500.000 đồng;
- 01 máy bơm xe hơi, được định giá 1.800.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A80 được định giá 10.943.000 đồng;
- 01 đôi bông tai kim cương được ông C, bà P thống nhất giá là 33.000.000 đồng;
- 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại xe Future, biển kiểm soát 66F1-45.995 được định giá 19.800.000 đồng;
- Số tiền thu hoạch nhãn 54.000.000 đồng;

Đối với 15 loại tài sản trên hiện bà P đang quản lý, ông C đề nghị để bà P được nhận hiện vật và trả lại  $\frac{1}{2}$  giá trị cho ông C.

- 01 tivi hiệu Sony 43inch được định giá 6.000.000 đồng;
- 01 tủ thờ căn được định giá 9.600.000 đồng;
- 01 bộ lư đồng được định giá 1.500.000 đồng;
- Giá trị tu bổ 01 bộ bàn ghế gỗ cắm xe được định giá 2.500.000 đồng;
- 01 cặp loa được định giá 1.200.000 đồng;

Đối với 05 tài sản trên hiện ông C đang quản lý, ông C đề nghị được nhận hiện vật và sẽ trả lại  $\frac{1}{2}$  giá trị cho bà P.

Đối với tài sản gồm: 01 xe gắn máy nhãn hiệu SYM, loại xe Shark biển kiểm soát 66F1-018.56; 01 máy giặt hiệu Toshiba; 02 tủ áo bằng nhôm kính; 01 tủ

lạnh hiệu Panasonic; 01 vò nuôi cá; 01 kiềng cỡ trọng lượng 2,951 chỉ vàng 18K; 01 mặt dây chuyền trọng lượng 1,213 chỉ vàng 18K; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24K; 01 lắc tay trọng lượng 10 chỉ vàng 24K; số tiền 30.000.000 đồng trước đây bà P dùng để mua xe cho con riêng; số tiền lãi sau khi bán cá 32.628.000 đồng; số tiền 30.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung đối với các tài sản này để ông C và bà P tự thỏa thuận.

- Tại phiên tòa, bà P xin rút yêu cầu ông C trả lại cho bà P 01 lắc tay có trọng lượng 10 chỉ vàng 18K và số tiền 69.000.000 đồng thì ông C thống nhất.

***Tại Tờ tường trình ngày 29/6/2020, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Phan Thị Kim P là bị đơn trình bày:***

Bà P thống nhất đã ly hôn với ông C theo bản án Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Khi ly hôn thì hai bên đề nghị được tự thỏa thuận về tài sản chung nhưng đến nay không thỏa thuận được. Nay ông C yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn thì bà P có ý kiến như sau:

- Sảnh gắn liền với căn nhà của bà P được định giá 43.460.000 đồng;
- Mái che được định giá 28.053.000 đồng;
- Nhà tắm, nhà vệ sinh được định giá 24.909.000 đồng;
- Sân nhà được định giá 23.050.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A80 được định giá 10.943.000 đồng;
- 01 đôi bông tai kim cương được ông C, bà P thống nhất giá là 33.000.000 đồng;
- 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại xe Future, biển kiểm soát 66F1-45.995 được định giá 19.800.000 đồng;

Đối với 07 loại tài sản trên là tài sản chung, hiện bà P quản lý, do có nhu cầu sử dụng nên bà P đồng ý nhận hiện vật, trả lại ½ giá trị cho ông C.

- 01 máy lạnh hiệu Panasonic được định giá 4.400.000 đồng;
- 01 nệm Kim Cương được định giá 1.000.000 đồng;
- 01 tivi hiệu Panasonic 32inch được định giá 3.900.000 đồng;
- 01 tủ áo bằng gỗ, được định giá 4.875.000 đồng;
- 01 máy bơm xe hơi, được định giá 1.800.000 đồng;

Đối với 05 loại tài sản này hiện nay bà P quản lý, nhưng do không có nhu cầu sử dụng và so sánh với số tài sản mà bà P đã nhận là nhiều nên nay, bà P đề nghị giao cho ông C nhận 05 loại tài sản này, theo định giá thì ông C phải trả cho bà P ½ giá trị tương đương số tiền 7.987.500 đồng là thấp hơn ông C yêu cầu. Tuy nhiên, nếu Hội đồng xét xử thống nhất giao tài sản cho ông C thì bà P cũng chỉ yêu cầu ông C trả số tiền 7.500.000 đồng.

- 01 tivi hiệu Sony 43inch được định giá 6.000.000 đồng;

- 01 tủ thờ cần được định giá 9.600.000 đồng;
- 01 bộ lư đồng được định giá 1.500.000 đồng;
- Giá trị tu bổ 01 bộ bàn ghế gỗ căm xe được định giá 2.500.000 đồng;
- 01 cặp loa được định giá 1.200.000 đồng;

Đối với 05 tài sản trên hiện ông C đang quản lý, bà P thống nhất ông C được tiếp tục sử dụng và sẽ trả lại  $\frac{1}{2}$  giá trị cho bà P.

- Đối với số tiền thu hoạch nhãn 54.000.000 đồng thì khoảng tháng 4 - 5/2019, bà P có thu hoạch nhãn nhiều đợt được khoảng 1.400 kg, bán với giá cao nhất là 45.000 đồng/kg, thấp nhất là 32.000 đồng/kg, thu được số tiền bao nhiêu không rõ nhưng chưa trừ các khoản chi phí đầu tư. Tuy nhiên, số tiền lãi thu được nhiều đợt, bà P đã sử dụng để trang trải các chi phí trong gia đình hết nên nay không còn để chia.

- Đối với nhà sau nối liền với căn nhà của bà P được định giá 25.310.000 đồng và hàng rào được định giá 31.304.000 đồng là tài sản riêng của bà P được xây dựng trước khi kết hôn nên nay bà P không đồng ý chia.

- Tại phiên tòa, bà P xin rút yêu cầu đối với yêu cầu ông C trả lại cho bà P 01 lắc tay có trọng lượng 10 chỉ vàng 18K và số tiền 69.000.000 đồng, không yêu cầu.

- Đối với tài sản gồm: 01 xe gắn máy nhãn hiệu SYM, loại xe Shark biển kiểm soát 66F1-018.56; 01 máy giặt hiệu Toshiba; 02 tủ áo bằng nhôm kính; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 vèo nuôi cá; 01 kiềng cổ trọng lượng 2,951 chỉ vàng 18K; 01 mặt dây chuyền trọng lượng 1,213 chỉ vàng 18K; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24K; 01 lắc tay trọng lượng 10 chỉ vàng 24K; số tiền 30.000.000 đồng ông C cho rằng trước đây bà P dùng để mua xe cho con riêng; số tiền lãi sau khi bán cá 32.628.000 đồng; số tiền 30.000.000 đồng trước đây ông C yêu cầu chia. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C xin rút toàn bộ yêu cầu đối với các tài sản này thì nay bà P cũng thống nhất để tự thỏa thuận.

***Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:***

Đối với những yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn mà nguyên đơn đã rút yêu cầu thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết. Đối với các tài sản mà các đương sự đã thống nhất được việc chia tài sản chung thì đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó.

Đối với những tài sản còn tranh chấp, bao gồm: nhà sau và hàng rào thì phía nguyên đơn đã có lời khai của người làm chứng xác định được xây dựng khi vợ chồng ông C, bà P sống chung, ông C trả tiền xây dựng nên đề nghị chia tài sản của nguyên đơn là có căn cứ. Đối với số tiền bán nhãn thì phía bị đơn cũng thừa nhận là có, đồng thời trước đây nguyên đơn có yêu cầu chia các khoản tiền khác nhưng đã rút yêu cầu nên nay đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với 05 loại tài sản mà các bên đã thống nhất là tài sản chung nhưng còn tranh chấp ai

sẽ nhận hiện vật thì đề nghị giao cho bị đơn vì hiện nay nguyên đơn không có nhà ở ổn định, không nhận tài sản được.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu chia tài sản mà đương sự đã rút; căn cứ các Điều 33, 43 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự thỏa thuận về việc chia các tài sản chung; đối với 05 loại tài sản còn tranh chấp gồm: máy lạnh, nệm, tivi 32inch, tủ áo gỗ, máy bơm xe hơi thì đề nghị giao cho ông C, ông C phải trả lại giá trị cho bà P; không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc chia tài sản chung là số tiền 54.000.000 đồng; xác định tài sản gồm hàng rào, nhà sau là tài sản riêng của bà P nên không chia tài sản chung theo yêu cầu của ông C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:*

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Trần Minh C, đơn yêu cầu của bà Phan Thị Kim P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về chia tài sản sau khi ly hôn; địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[2] Ông C và bà P đã ly hôn theo Bản án số 05/2020/HNGĐ-ST, ngày 06/3/2020. Trong đó, về tài sản chung đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do không thỏa thuận được nên nay ông C và bà P đều có yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông C là nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia các tài sản: 01 xe gắn máy nhãn hiệu SYM, loại xe Shark biển kiểm soát 66F1-018.56; 01 máy giặt hiệu Toshiba; 02 tủ áo bằng nhôm kính; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 vò nuôi cá; 01 kiềng cỡ trọng lượng 2,951 chỉ vàng 18K; 01 mặt dây chuyền trọng lượng 1,213 chỉ vàng 18K; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24K; 01 lắc tay trọng lượng 10 chỉ vàng 24K; số tiền 30.000.000 đồng trước đây bà P dùng để mua xe cho con riêng; số tiền lãi sau khi bán cá 32.628.000 đồng; số tiền 30.000.000 đồng. Bà P là bị đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông C trả lại 01 lắc tay trọng lượng 10 chỉ vàng 18K và số tiền 69.000.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu của ông C, bà P như

trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của ông C, bà P.

[4] Tại phiên tòa, ông C và bà P đã thỏa thuận được các tài sản sau đây là tài sản chung, thống nhất người nhận hiện vật và trả ½ giá trị cho người còn lại, cụ thể như sau:

- Ông C nhận các tài sản hiện ông C đang quản lý và trả ½ giá trị tài sản cho bà P gồm:

- + 01 tivi hiệu Sony 43inch thống nhất giá 6.000.000 đồng;
- + 01 tủ thờ căn thống nhất giá 9.600.000 đồng;
- + 01 bộ lư đồng thống nhất giá 1.500.000 đồng;
- + Giá trị tu bổ bộ bàn ghế gỗ cắm xe thống nhất giá 2.500.000 đồng;
- + 01 cặp loa thống nhất giá 1.200.000 đồng.

- Bà P nhận tài sản hiện nay bà P đang quản lý và trả ½ giá trị tài sản cho ông C gồm:

- + Sảnh gắn liền nhà của bà P thống nhất giá 43.600.000 đồng;
- + Mái che trước sân nhà bà P thống nhất giá 28.053.000 đồng;
- + Nhà tắm, nhà vệ sinh gắn liền với nhà của bà P thống nhất giá 24.909.000 đồng;
- + Sân gắn liền với nhà của bà P thống nhất giá 23.050.000 đồng;
- + 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại xe Future, biển kiểm soát 66F1-45.995 thống nhất giá 19.800.000 đồng;
- + 01 điện thoại di động hiệu Samsung A80 thống nhất giá 10.943.000 đồng;
- + 01 đôi bông tai đính kim cương thống nhất giá 33.000.000 đồng.

Như vậy, số tài sản mà ông C nhận có giá trị 20.800.000 đồng, số tài sản bà P nhận có giá 183.355.000 đồng. Khấu trừ giá trị chênh lệch thì bà P phải trả cho ông C số tiền 81.277.500 đồng.

[5] Tại phiên tòa, ông C và bà P đã thỏa thuận được các tài sản sau đây là tài sản chung nhưng chưa thống nhất người nhận hiện vật và trả ½ giá trị cho người còn lại, bao gồm:

- + 01 máy lạnh hiệu Panasonic thống nhất giá 4.400.000 đồng;
- + 01 nệm hiệu Kim Cương thống nhất giá 1.000.000 đồng;
- + 01 tivi hiệu Panasonic 32inch thống nhất giá 3.900.000 đồng;

+ 01 tủ áo bằng gỗ, ông C trình bày mua với giá 10.000.000 đồng, định giá còn 7.500.000 đồng; bà P trình bày mua với giá 6.500.000 đồng, định giá còn 4.875.000 đồng;

+ 01 máy bơm xe hơi thông nhất giá 1.800.000 đồng.

Đối với các tài sản này cả hai bên đều cho rằng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng hiện nay đều không có nhu cầu sử dụng, đề nghị giao cho bên còn lại và yêu cầu được trả  $\frac{1}{2}$  giá trị. Tuy nhiên, Hội đồng xét thấy việc chia tài sản chung này cần thiết phải giao cho một bên và người nhận hiện vật phải trả  $\frac{1}{2}$  giá trị cho bên còn lại. Tại phiên tòa, ông C xác định tổng giá trị các tài sản này là 18.600.000 đồng, ông C không đồng ý nhận tài sản mà yêu cầu bà P nhận và trả cho ông C số tiền 9.300.000 đồng. Bà P xác định tổng giá trị các tài sản này là 15.975.000 đồng, bà P không đồng ý nhận tài sản mà yêu cầu ông C nhận, bà P đồng ý giảm số tiền mà ông C phải trả cho bà P từ 7.987.500 đồng còn 7.500.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà P theo hướng có lợi cho ông C. Đồng thời Hội đồng xét xử còn thấy hiện nay bà P đã nhận nhiều tài sản có giá trị lớn và phải trả tiền lại cho ông C. Do đó, để đảm bảo khả năng trả giá trị khi chia tài sản cho cả hai bên thì đối với 05 loại tài sản này, việc giao tài sản cho ông C là phù hợp hơn, khi nhận tài sản thì ông C phải trả lại cho bà P số tiền 7.500.000 đồng, khấu trừ số tiền bà P phải trả cho ông C nêu trên thì nay bà P còn phải trả tiếp cho ông C số tiền 73.777.500 đồng.

[6] Đối với yêu cầu chia số tiền lãi từ việc bán nhãn: Ông C xác định thời gian còn chung sống, vợ chồng có đầu tư vào vườn nhãn, từ tháng 4 – 5/2019, thu hoạch được 1.200 kg, bán với giá 45.000 đồng/kg được số tiền 54.000.000 đồng. Tuy nhiên, đó là do ông C ước tính như vậy chứ không có căn cứ xác định khi giải quyết ly hôn, số tiền bán nhãn là bao nhiêu và vợ chồng còn số tiền này không. Bà P trình bày trong thời gian này có thu hoạch nhãn, tổng thu hoạch được 1.400kg nhưng chia thành nhiều đợt, mỗi đợt bán giá cũng khác nhau, đợt cao nhất bán được 45.000 đồng/kg, thấp nhất bán giá 32.000 đồng/kg. Do bán nhiều đợt nên bà P không biết được bao nhiêu tiền, bà P cũng đã dùng tiền bán nhãn để trang trải các chi phí trong gia đình, khi ly hôn thì số tiền này đã không còn nên nay không đồng ý chia. Tại phiên tòa, ông C trình bày việc giữ tiền, chi tiêu trong gia đình như thế nào là do bà P quản lý, ông C chỉ theo dõi các khoản thu chứ không biết đến các khoản phải chi. Bản thân ông C cũng không xác định được khi ly hôn thì số tiền bán nhãn được bao nhiêu và có còn hay không, tuy nhiên do có đóng góp trong việc chăm sóc vườn nên nay yêu cầu phải chia số tiền 54.000.000 đồng, yêu cầu bà P giao cho ông C số tiền 27.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi thu hoạch nhãn đến khi ông C bà P được giải quyết ly hôn là khoảng 9 tháng, trong thời này thu nhập chính của ông C, bà P khi còn chung sống nuôi cá và trồng trọt nên việc bà P trình bày lấy tiền bán nhãn trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình là phù hợp. Hơn nữa, hai bên còn trình bày khoảng tháng 6/2019, vợ chồng bắt đầu nuôi lại 02 bè cá giống nhưng không có tiền mua con giống mà phải vay số tiền 90.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định đến khi giải quyết ly hôn, số tiền từ

thu hoạch vườn nhãn năm 2019 không còn nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông C.

[7] Ngoài ra, ông C còn yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là giá trị nhà sau nối liền với căn nhà của bà P được định giá là 25.310.000 đồng và hàng rào trước sân nhà bà P được định giá là 31.304.000 đồng, yêu cầu bà P trả lại cho ông C số tiền 28.307.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông C đề nghị Tòa án lấy lời khai của ông Nguyễn Văn H là người xây dựng có xác định tài sản chung của vợ chồng. Bà P trình bày nhà sau và sân là tài sản riêng của bà P được xây dựng trước khi kết hôn với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà P là có căn cứ bởi lẽ: *Một là*, tại đơn khởi kiện và khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp, ông C trình bày tài sản này được xây dựng năm 2012 là sau khi đám cưới và đăng ký kết hôn. Bà P trình bày thời gian xây dựng là vào năm 2009, 2010. Theo lời khai của ông H là người làm chứng thì ông nhận lời bà P xây nhà sau và hàng rào vào ngày 19/02/2011 (âl), khi thì trình bày không nhớ thời gian, do đó lời khai của ông H là không có cơ sở. Đồng thời các đương sự cũng không có căn cứ nào khác để xác thực thời gian xây dựng nhà sau và hàng rào; *Hai là*, tại phiên tòa, ông C trình bày sau lễ cưới vào tháng 5/2011 mới tiến hành xây dựng nhà sau, sau khi xây nhà sau xong thì đến xây hàng rào. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà P cung cấp 02 ảnh được ông C thống nhất là chụp tại lễ cưới của ông C, bà P thì hàng rào như hiện trạng được Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ đã có. Lúc này, ông C lại trình bày nhà sau và hàng rào được xây dựng trước khi tổ chức đám cưới. Ông C không giải thích được tại sao lại thay đổi lời trình bày về thời gian xây dựng nhà sau và hàng rào. Như vậy, lời trình bày của ông C là chưa phù hợp với chứng cứ được bị đơn cung cấp và được ông C thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông C về việc xác định hàng rào và nhà sau gắn liền với nhà chính của bà P là tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu chia giá trị.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Điều 33, 43 Luật hôn nhân và gia đình, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C như đã nêu trên, sau khi phân chia tài sản thì bà P có trách nhiệm trả tiếp cho ông C số tiền chênh lệch là 73.777.500 đồng.

[9] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận sự thỏa thuận của đương sự là chỉ có căn cứ chấp nhận một phần như đã phân tích.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh nêu hướng giải quyết vụ án như trên là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:*

[11] Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban



Thường vụ Quốc hội thì trách nhiệm chịu án phí trong vụ án được xác định như sau:

[12] Ông Trần Minh C và bà Phan Thị Kim P mỗi người phải chịu án phí về chia tài sản sau khi ly hôn tương ứng với số tài sản được nhận là 110.065.000 đồng x 5% = 5.503.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[13] Ông Trần Minh C phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung không được chấp nhận là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

[14] Căn cứ quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ Luật tố tụng dân sự thì ông Trần Minh C và bà Phan Thị Kim P mỗi người phải chịu ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 500.000 đồng. Do ông C đã nộp tạm ứng toàn bộ và đã chi xong nên nay bà P phải nộp lại số tiền 500.000 đồng để trả lại cho ông C.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 244, 246 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 33, 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

### **1. Đình chỉ xét xử đối với:**

- Một phần yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của ông Trần Minh C gồm yêu cầu chia: 01 xe gắn máy nhãn hiệu SYM, loại xe Shark biển kiểm soát 66F1-018.56; 01 máy giặt hiệu Toshiba; 02 tủ áo bằng nhôm kính; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 vò nuôi cá; 01 kiềng cỡ trọng lượng 2,951 chỉ vàng 18K; 01 mặt dây chuyền trọng lượng 1,213 chỉ vàng 18K; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24K; 01 lắc tay trọng lượng 10 chỉ vàng 24K; số tiền 30.000.000 đồng trước đây bà P dùng để mua xe cho con riêng; số tiền lãi sau khi bán cá 32.628.000 đồng; số tiền 30.000.000 đồng.

- Một phần yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phan Thị Kim P gồm yêu cầu ông C trả lại 01 chiếc vòng đeo tay trọng lượng 10 chỉ vàng 18K và số tiền 69.000.000 đồng.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Minh C và bà Phan Thị Kim P về việc phân chia các tài sản sau khi ly hôn gồm:**

- Ông Trần Minh C được sở hữu các tài sản hiện do ông C đang quản lý gồm: 01 tivi hiệu Sony 43inch; 01 tủ thờ cẩn; 01 bộ lư đồng; Giá trị tu bổ bộ bàn ghế gỗ cẩm xe; 01 cặp loa, số tài sản này có tổng giá trị 20.800.000 đồng.

- Bà Phan Thị Kim P được sở hữu các tài sản hiện do bà P đang quản lý gồm: Sân, mái che, nhà tắm, nhà vệ sinh, sân gắn liền với nhà của bà P; 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại xe Future, biển kiểm soát 66F1-45.995; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A80; 01 đôi bông tai đính kim cương, số tài sản này có tổng giá trị là 183.155.000 đồng.

**3.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C đối với yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn đối với các tài sản gồm: 01 máy lạnh hiệu Panasonic; 01 nệm hiệu Kim Cương; 01 tivi hiệu Panasonic 32inch; 01 tủ áo bằng gỗ; 01 máy bơm xe hơi có tổng giá trị 18.600.000 đồng. Ông Trần Minh C nhận tài sản và phải trả số tiền 7.500.000 đồng cho bà Phan Thị Kim P.

Khấu trừ giá trị chênh lệch giữa các tài sản mà ông Trần Minh C và bà Phan Thị Kim P được nhận nêu trên thì bà Phan Thị Kim P phải trả lại cho ông Trần Minh C số tiền 73.777.500 đồng (Bảy mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh).*

Bà Phan Thị Kim P được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký thay đổi quyền sở hữu đối với 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại xe Future, biển kiểm soát 66F1-45.995 hiện do ông Trần Minh C đứng tên.

**4.** Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C đối với yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn gồm: số tiền bán nhà 54.000.000 đồng, giá trị nhà sau và hàng rào tổng cộng 56.614.000 đồng.

**5. Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Trần Minh C phải chịu án phí là 5.503.000 đồng và 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.900.00 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003687, ngày 03/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, ông C được nhận số tiền 1.097.000 đồng (Một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Bà Phan Thị Kim P phải chịu án phí là 5.503.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.575.00 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003847, ngày 29/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà P còn phải nộp tiếp số tiền 928.000 đồng (Chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

**6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:**

Bà Phan Thị Kim P phải nộp lại số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để trả lại cho ông Trần Minh C.

**7.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phan Thị Phương Thảo**